

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026

DANH SÁCH HỌC VIÊN NỘP HỒ SƠ NHẬP HỌC TUYỂN SINH NĂM 2026
CẤP ĐÀO TẠO: CHUYÊN KHOA CẤP I

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (50)				
1	1	26.01.01.0001	Nữ	03/10/1999	Tỉnh Bến Tre	
2	2	26.01.01.0004	Nam	13/02/1995	Tỉnh Vĩnh Long	
3	3	26.01.01.0012	Nữ	13/06/2000	Kiên Giang	
4	4	26.01.01.0017	Nữ	19/08/1997	Tỉnh Kiên Giang	
5	5	26.01.01.0021	Nam	25/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
6	6	26.01.01.0026	Nữ	24/09/1998	Kon tum	
7	7	26.01.01.0029	Nam	02/05/1995	Tỉnh Nghệ An	
8	8	26.01.01.0030	Nữ	23/02/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	
9	9	26.01.01.0047	Nam	02/05/1999	Bình Định	
10	10	26.01.01.0048	Nữ	20/07/1999	Ninh Thuận	
11	11	26.01.01.0052	Nữ	25/12/1998	Tỉnh Phú Yên	
12	12	26.01.01.0058	Nam	30/01/1993	Quảng Bình	
13	13	26.01.01.0059	Nam	28/09/1999	Tỉnh Gia Lai	
14	14	26.01.01.0063	Nữ	12/05/1995	Tỉnh Đắk Lắk	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
15	15	26.01.01.0067	Nam	23/02/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
16	16	26.01.01.0068	Nam	06/01/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
17	17	26.01.01.0072	Nữ	08/02/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
18	18	26.01.01.0083	Nam	21/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
19	19	26.01.01.0084	Nữ	24/07/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
20	20	26.01.01.0087	Nam	18/06/2000	Tỉnh Bắc Ninh	
21	21	26.01.01.0097	Nam	19/09/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
22	22	26.01.01.0101	Nam	16/05/1999	Tỉnh Khánh Hòa	
23	23	26.01.01.0109	Nữ	25/08/1999	tỉnh Bình Phước	
24	24	26.01.01.0113	Nữ	26/10/1999	Sóc Trăng	
25	25	26.01.01.0115	Nam	28/10/1998	Bình Định	
26	26	26.01.01.0122	Nữ	15/04/1997	Thành phố Đà Nẵng	
27	27	26.01.01.0127	Nữ	20/01/2000	Bình Phước	
28	28	26.01.01.0135	Nữ	27/06/1998	Quảng Nam	
29	29	26.01.01.0144	Nam	05/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
30	30	26.01.01.0146	Nữ	10/03/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
31	31	26.01.01.0161	Nam	25/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
32	32	26.01.01.0162	Nam	28/07/1997	Quảng Nam	
33	33	26.01.01.0165	Nam	08/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
34	34	26.01.01.0166	Nam	20/02/1994	Tỉnh Nghệ An	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
35	35	26.01.01.0167	Nữ	06/07/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
36	36	26.01.01.0168	Nữ	22/09/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
37	37	26.01.01.0169	Nữ	13/01/1995	Tỉnh Nghệ An	
38	38	26.01.01.0174	Nữ	03/03/2000	Tỉnh Cà Mau	
39	39	26.01.01.0176	Nam	10/08/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
40	40	26.01.01.0178	Nam	16/01/1997	Bình Phước	
41	41	26.01.01.0183	Nam	04/08/1999	Tỉnh Nghệ An	
42	42	26.01.01.0184	Nữ	14/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
43	43	26.01.01.0194	Nữ	03/02/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
44	44	26.01.01.0195	Nữ	21/09/1997	Sóc Trăng	
45	45	26.01.01.0210	Nữ	21/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
46	46	26.01.01.0216	Nam	08/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
47	47	26.01.01.0217	Nam	14/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
48	48	26.01.01.0219	Nữ	07/10/1993	Tỉnh Đắk Lắk	
49	49	26.01.01.0228	Nam	03/11/1997	Tỉnh An Giang	
50	50	26.01.01.0234	Nữ	20/01/1998	Bình Phước	
		CHUYÊN NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH (32)				
51	1	26.01.02.0237	Nam	20/11/2000	Tỉnh Gia Lai	
52	2	26.01.02.0239	Nam	18/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
53	3	26.01.02.0240	Nam	19/09/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
54	4	26.01.02.0243	Nam	18/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
55	5	26.01.02.0246	Nam	24/01/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
56	6	26.01.02.0249	Nam	02/04/1999	Tỉnh Tây Ninh	
57	7	26.01.02.0250	Nam	10/08/1999	Tỉnh Nghệ An	
58	8	26.01.02.0256	Nam	09/09/1998	Long An	
59	9	26.01.02.0264	Nam	12/10/2000	Bạc Liêu	
60	10	26.01.02.0269	Nam	14/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
61	11	26.01.02.0270	Nam	07/02/2000	Thành phố Hồ Minh	
62	12	26.01.02.0272	Nam	07/07/1996	Thành phố Đà Nẵng	
63	13	26.01.02.0273	Nam	04/10/1999	Tỉnh Quảng Ngãi	
64	14	26.01.02.0279	Nam	13/03/1994	Thành phố Huế	
65	15	26.01.02.0281	Nam	22/06/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
66	16	26.01.02.0284	Nam	16/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
67	17	26.01.02.0289	Nam	16/02/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
68	18	26.01.02.0293	Nam	21/06/1998	Long An	
69	19	26.01.02.0305	Nam	09/01/1996	Bình Định	
70	20	26.01.02.0307	Nam	11/03/1999	Tỉnh Nghệ An	
71	21	26.01.02.0309	Nam	15/06/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
72	22	26.01.02.0311	Nam	24/02/1996	Tỉnh An Giang	
73	23	26.01.02.0322	Nam	13/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
74	24	26.01.02.0323	Nam	14/01/1997	Tỉnh Vĩnh Long	
75	25	26.01.02.0325	Nam	05/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
76	26	26.01.02.0334	Nam	16/03/1995	Tỉnh Nghệ An	
77	27	26.01.02.0337	Nam	30/06/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
78	28	26.01.02.0339	Nam	10/10/1990	Tỉnh Thanh Hóa	
79	29	26.01.02.0340	Nam	10/06/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
80	30	26.01.02.0341	Nam	02/07/1993	Long An	
81	31	26.01.02.0342	Nữ	13/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
82	32	26.01.02.0347	Nam	02/09/1997	Trung Quốc (Đài Loan)	
		CHUYÊN NGÀNH: DA LIỄU (29)				
83	1	26.01.03.0348	Nữ	20/05/1998	Bến Tre	
84	2	26.01.03.0352	Nữ	01/06/1998	Bắc Giang	
85	3	26.01.03.0356	Nữ	24/01/1998	Hải Dương	
86	4	26.01.03.0359	Nữ	28/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
87	5	26.01.03.0360	Nữ	07/09/1997	Bình Định	
88	6	26.01.03.0362	Nữ	01/04/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
89	7	26.01.03.0367	Nữ	14/02/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
90	8	26.01.03.0401	Nữ	21/10/1998	Quảng Nam	
91	9	26.01.03.0405	Nữ	15/10/1999	Kiên Giang	
92	10	26.01.03.0408	Nữ	08/05/1996	Tỉnh Đắk Lắk	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
93	11	26.01.03.0409	Nam	23/09/1998	Sóc Trăng	
94	12	26.01.03.0415	Nữ	06/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
95	13	26.01.03.0416	Nữ	14/04/2000	Bình Phước	
96	14	26.01.03.0419	Nữ	20/04/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
97	15	26.01.03.0421	Nữ	11/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
98	16	26.01.03.0444	Nữ	01/10/1998	Đắc Lắc	
99	17	26.01.03.0451	Nữ	11/03/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
100	18	26.01.03.0452	Nữ	28/09/1999	Bình Phước	
101	19	26.01.03.0455	Nữ	28/05/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
102	20	26.01.03.0461	Nữ	02/04/1997	Tỉnh Hà Tĩnh	
103	21	26.01.03.0466	Nữ	22/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
104	22	26.01.03.0471	Nữ	08/10/1998	Ninh Thuận	
105	23	26.01.03.0478	Nữ	14/08/1998	Bình Định	
106	24	26.01.03.0498	Nam	13/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
107	25	26.01.03.0505	Nữ	23/03/1997	Bình Thuận	
108	26	26.01.03.0506	Nữ	21/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
109	27	26.01.03.0507	Nữ	19/07/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
110	28	26.01.03.0519	Nữ	02/09/2000	Thành phố Cần Thơ	
111	29	26.01.03.0521	Nữ	30/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC LÝ DƯỢC LÂM SÀNG (04)				

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
112	1	26.01.31.0547	Nữ	27/02/1992	Tỉnh Hà Tĩnh	
113	2	26.01.31.0548	Nữ	20/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	
114	3	26.01.31.0549	Nữ	12/07/1982	Tiền Giang	
115	4	26.01.31.0550	Nữ	31/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG (21)				
116	1	26.01.04.0523	Nữ	01/12/1989	Tỉnh Đồng Nai	
117	2	26.01.04.0524	Nữ	15/06/1993	Tỉnh Hà Tĩnh	
118	3	26.01.04.0525	Nữ	01/09/1988	Tỉnh Ninh Bình	
119	4	26.01.04.0527	Nữ	26/10/1986	Thành phố Hải Phòng	
120	5	26.01.04.0528	Nữ	09/08/1992	Sông Bé	
121	6	26.01.04.0529	Nữ	26/10/1993	Tỉnh Nghệ An	
122	7	26.01.04.0530	Nữ	12/08/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
123	8	26.01.04.0531	Nữ	05/09/1990	Quảng Bình	
124	9	26.01.04.0532	Nữ	25/08/1998	Tỉnh Quảng Trị	
125	10	26.01.04.0533	Nữ	15/08/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
126	11	26.01.04.0534	Nữ	26/06/1988	Tỉnh Nghệ An	
127	12	26.01.04.0535	Nam	21/11/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
128	13	26.01.04.0536	Nữ	08/11/1984	Thành phố Hồ Chí Minh	
129	14	26.01.04.0537	Nữ	06/10/2001	Tỉnh Vĩnh Long	
130	15	26.01.04.0538	Nữ	15/09/1987	Tỉnh Tây Ninh	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
131	16	26.01.04.0539	Nam	13/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
132	17	26.01.04.0540	Nam	08/02/1993	Long An	
133	18	26.01.04.0542	Nữ	15/5/1979	Tiền Giang	
134	19	26.01.04.0544	Nữ	09/07/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
135	20	26.01.04.0545	Nữ	28/10/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
136	21	26.01.04.0546	Nữ	06/06/1984	Thái Bình	
		CHUYÊN NGÀNH: GÂY MÊ HỒI SỨC (14)				
137	1	26.01.05.0552	Nam	17/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
138	2	26.01.05.0557	Nữ	19/01/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
139	3	26.01.05.0568	Nữ	19/01/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
140	4	26.01.05.0573	Nam	08/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
141	5	26.01.05.0574	Nữ	14/11/1998	Tỉnh Kiên Giang	
142	6	26.01.05.0586	Nữ	27/08/1995	Tỉnh Nghệ An	
143	7	26.01.05.0591	Nam	30/07/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
144	8	26.01.05.0592	Nam	23/10/1997	Tỉnh Bến Tre	
145	9	26.01.05.0595	Nam	30/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
146	10	26.01.05.0609	Nữ	14/11/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
147	11	26.01.05.0616	Nam	12/10/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
148	12	26.01.05.0622	Nam	31/01/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
149	13	26.01.05.0631	Nữ	18/01/2000	Tỉnh An Giang	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
150	14	26.01.05.0645	Nữ	04/01/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: HỒI SỨC CẤP CỨU - CHỐNG ĐỘC (39)				
151	1	26.01.06.0651	Nam	01/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
152	2	26.01.06.0652	Nam	12/03/1994	Tỉnh Long An	
153	3	26.01.06.0654	Nam	15/09/1989	Thành phố Hồ Chí Minh	
154	4	26.01.06.0658	Nam	03/12/1998	Tỉnh Sóc Trăng	
155	5	26.01.06.0660	Nam	26/12/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
156	6	26.01.06.0663	Nam	10/11/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
157	7	26.01.06.0667	Nam	23/10/1998	Tỉnh Gia Lai	
158	8	26.01.06.0668	Nam	12/10/1993	Tỉnh Quảng Ngãi	
159	9	26.01.06.0669	Nam	11/10/1997	Tỉnh Đồng Nai	
160	10	26.01.06.0675	Nam	19/08/1994	Tỉnh Gia Lai	
161	11	26.01.06.0679	Nam	29/06/2000	Tỉnh Bến Tre	
162	12	26.01.06.0685	Nam	19/02/2000	Tỉnh Kiên Giang	
163	13	26.01.06.0686	Nữ	15/07/1990	Tỉnh Tây Ninh	
164	14	26.01.06.0687	Nữ	11/06/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
165	15	26.01.06.0692	Nữ	01/02/1995	Bến Tre	
166	16	26.01.06.0694	Nữ	18/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
167	17	26.01.06.0695	Nữ	15/10/1993	Tỉnh Bình Thuận	
168	18	26.01.06.0696	Nữ	02/01/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	

xl

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
169	19	26.01.06.0702	Nam	08/07/1979	Tỉnh An Giang	
170	20	26.01.06.0703	Nữ	31/03/1996	Tỉnh Đồng Tháp	
171	21	26.01.06.0706	Nam	21/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
172	22	26.01.06.0710	Nam	19/05/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
173	23	26.01.06.0712	Nữ	04/02/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
174	24	26.01.06.0713	Nữ	19/04/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
175	25	26.01.06.0716	Nam	20/05/1978	Tỉnh Gia Lai	
176	26	26.01.06.0718	Nam	13/06/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
177	27	26.01.06.0719	Nam	22/06/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
178	28	26.01.06.0721	Nam	05/10/1998	Tỉnh Long An	
179	29	26.01.06.0724	Nam	20/10/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
180	30	26.01.06.0725	Nam	15/10/1984	Tỉnh Kiên Giang	
181	31	26.01.06.0726	Nữ	23/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
182	32	26.01.06.0727	Nữ	05/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
183	33	26.01.06.0730	Nữ	20/06/2000	Tỉnh Tây Ninh	
184	34	26.01.06.0734	Nam	05/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
185	35	26.01.06.0735	Nam	19/09/1997	Tỉnh Kiên Giang	
186	36	26.01.06.0737	Nam	11/10/1997	Tỉnh Đồng Nai	
187	37	26.01.06.0738	Nam	26/05/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
188	38	26.01.06.0740	Nam	31/10/1992	Tỉnh Tiền Giang	

nh

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
189	39	26.01.06.0743	Nam	24/07/1998	Thành phố Cần Thơ	
		CHUYÊN NGÀNH: HUYẾT HỌC (03)				
190	1	26.01.07.0746	Nữ	16/12/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
191	2	26.01.07.0748	Nam	26/04/1996	Tỉnh Bạc Liêu	
192	3	26.01.07.0749	Nam	24/04/1979	Tỉnh Long An	
		CHUYÊN NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT (54)				
193	1	26.01.10.0968	Nam	08/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
194	2	26.01.10.0975	Nữ	05/08/1995	Tỉnh Thái Bình	
195	3	26.01.10.0976	Nữ	19/09/1998	Kiên Giang	
196	4	26.01.10.0983	Nam	28/09/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
197	5	26.01.10.0991	Nam	08/08/1999	Bình Dương	
198	6	26.01.10.0996	Nữ	19/08/1995	Tỉnh Quảng Trị	
199	7	26.01.10.0997	Nam	16/05/1997	Tỉnh Tây Ninh	
200	8	26.01.10.1001	Nữ	17/11/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
201	9	26.01.10.1008	Nữ	28/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
202	10	26.01.10.1011	Nam	23/06/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
203	11	26.01.10.1014	Nam	09/02/1998	Thành phố Hải Phòng	
204	12	26.01.10.1019	Nam	16/10/1992	Tỉnh Ninh Bình	
205	13	26.01.10.1030	Nữ	26/11/1996	Tỉnh Ninh Bình	
206	14	26.01.10.1037	Nam	09/10/2000	Bình Định	

nh

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
207	15	26.01.10.1038	Nam	21/04/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
208	16	26.01.10.1039	Nam	02/01/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
209	17	26.01.10.1046	Nam	09/04/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
210	18	26.01.10.1052	Nam	13/10/1997	Thành phố Cần Thơ	
211	19	26.01.10.1055	Nam	30/03/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
212	20	26.01.10.1057	Nam	25/01/1999	Tỉnh Đồng Nai	
213	21	26.01.10.1060	Nữ	01/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
214	22	26.01.10.1064	Nữ	26/11/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
215	23	26.01.10.1069	Nữ	23/09/1997	Tỉnh Gia Lai	
216	24	26.01.10.1081	Nữ	05/03/2000	Đắk Lắk	
217	25	26.01.10.1084	Nữ	12/08/1997	Thành phố Đà Nẵng	
218	26	26.01.10.1085	Nam	02/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
219	27	26.01.10.1087	Nữ	16/03/1995	Tỉnh Tây Ninh	
220	28	26.01.10.1093	Nam	02/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
221	29	26.01.10.1095	Nữ	01/10/1999	Quảng Nam	
222	30	26.01.10.1100	Nữ	24/08/2000	Tỉnh An Giang	
223	31	26.01.10.1103	Nữ	05/08/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
224	32	26.01.10.1112	Nam	19/07/1999	Bình Dương	
225	33	26.01.10.1115	Nam	04/01/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
226	34	26.01.10.1116	Nam	09/08/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	

200

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
227	35	26.01.10.1133	Nam	22/02/1998	Tiền Giang	
228	36	26.01.10.1134	Nam	16/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
229	37	26.01.10.1140	Nữ	06/11/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
230	38	26.01.10.1141	Nam	01/09/1999	Bình Thuận	
231	39	26.01.10.1143	Nam	12/02/1997	Tỉnh Bình Định	
232	40	26.01.10.1148	Nữ	18/06/1994	Tỉnh Gia Lai	
233	41	26.01.10.1149	Nữ	01/05/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
234	42	26.01.10.1151	Nam	10/12/2000	Tỉnh Đồng Tháp	
235	43	26.01.10.1152	Nam	25/08/1991	Tỉnh Tây Ninh	
236	44	26.01.10.1157	Nữ	07/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
237	45	26.01.10.1172	Nữ	21/03/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
238	46	26.01.10.1173	Nữ	22/10/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
239	47	26.01.10.1179	Nam	14/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
240	48	26.01.10.1181	Nam	07/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
241	49	26.01.10.1190	Nữ	05/12/1998	tỉnh Quảng Nam	
242	50	26.01.10.1192	Nữ	23/02/1997	Tỉnh Bến Tre	
243	51	26.01.10.1194	Nữ	16/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
244	52	26.01.10.1195	Nam	30/11/1996	Bình Thuận	
245	53	26.01.10.1197	Nam	14/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
246	54	26.01.10.1198	Nam	19/04/1998	Tỉnh An Giang	

nh

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
		CHUYÊN NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT (04)				
247	1	26.01.12.0756	Nam	30/03/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
248	2	26.01.12.0767	Nam	29/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
249	3	26.01.12.0776	Nam	18/04/1995	Tỉnh Bình Định	
250	4	26.01.12.0781	Nam	01/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: NHÂN KHOA (28)				
251	1	26.01.08.0797	Nam	11/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
252	2	26.01.08.0800	Nam	24/08/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
253	3	26.01.08.0802	Nam	24/01/1996	Tỉnh Thanh Hóa	
254	4	26.01.08.0808	Nữ	10/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
255	5	26.01.08.0809	Nam	21/01/2000	Tỉnh Vĩnh Long	
256	6	26.01.08.0810	Nam	11/06/2000	Tỉnh Gia Lai	
257	7	26.01.08.0812	Nữ	30/12/1998	Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	
258	8	26.01.08.0814	Nữ	14/08/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
259	9	26.01.08.0822	Nam	24/01/1997	Tỉnh Khánh Hòa	
260	10	26.01.08.0825	Nam	15/08/1997	Tỉnh Cà Mau	
261	11	26.01.08.0826	Nam	27/08/1997	Thành phố Cần Thơ	
262	12	26.01.08.0828	Nữ	27/02/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
263	13	26.01.08.0830	Nữ	17/07/1991	Bình Thuận	
264	14	26.01.08.0837	Nữ	23/08/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	

264

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
265	15	26.01.08.0838	Nữ	20/10/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
266	16	26.01.08.0839	Nữ	18/02/2000	Tỉnh Ninh Thuận	
267	17	26.01.08.0845	Nữ	23/12/2000	Thành phố Cần Thơ	
268	18	26.01.08.0846	Nữ	14/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
269	19	26.01.08.0850	Nữ	15/02/1996	Tỉnh Trà Vinh	
270	20	26.01.08.0851	Nam	15/02/1985	Thành phố Cần Thơ	
271	21	26.01.08.0853	Nam	10/08/1996	Tỉnh An Giang	
272	22	26.01.08.0854	Nữ	10/01/1991	Tỉnh Thanh Hóa	
273	23	26.01.08.0861	Nam	15/09/2000	Tỉnh Trà Vinh	
274	24	26.01.08.0863	Nữ	15/01/2000	Tỉnh An Giang	
275	25	26.01.08.0865	Nữ	19/01/1997	Tỉnh Đồng Nai	
276	26	26.01.08.0867	Nữ	06/03/1999	Tỉnh Bình Định	
277	27	26.01.08.0875	Nữ	24/12/1997	Tỉnh An Giang	
278	28	26.01.08.0876	Nữ	07/09/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
		CHUYÊN NGÀNH: NHI KHOA (48)				
279	1	26.01.09.0878	Nam	12/10/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
280	2	26.01.09.0880	Nữ	21/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
281	3	26.01.09.0881	Nữ	12/06/1997	Tỉnh Nam Định	
282	4	26.01.09.0883	Nam	20/11/1996	Tỉnh Gia Lai	
283	5	26.01.09.0886	Nữ	25/04/1998	Long An	

nk

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
284	6	26.01.09.0887	Nữ	20/02/1989	Tỉnh Lâm Đồng	
285	7	26.01.09.0888	Nam	15/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
286	8	26.01.09.0890	Nữ	12/06/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
287	9	26.01.09.0891	Nữ	28/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
288	10	26.01.09.0893	Nữ	30/06/1995	Tỉnh Đồng Nai	
289	11	26.01.09.0895	Nam	18/05/1995	Nam Hà	
290	12	26.01.09.0896	Nam	18/10/2000	Tỉnh Đồng Nai	
291	13	26.01.09.0897	Nam	12/01/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
292	14	26.01.09.0899	Nữ	20/08/1998	Thành phố Cần Thơ	
293	15	26.01.09.0900	Nam	15/03/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
294	16	26.01.09.0902	Nữ	16/03/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
295	17	26.01.09.0903	Nam	21/03/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
296	18	26.01.09.0907	Nam	22/03/1992	Bà Rịa Vũng Tàu	
297	19	26.01.09.0908	Nữ	25/02/1994	Kiên Giang	
298	20	26.01.09.0909	Nữ	26/08/1997	Bình Định	
299	21	26.01.09.0910	Nữ	26/03/1988	Tỉnh An Giang	
300	22	26.01.09.0911	Nữ	25/08/1997	Tiền Giang	
301	23	26.01.09.0912	Nữ	23/11/1995	Sông Bé	
302	24	26.01.09.0913	Nam	05/02/1999	Khánh Hoà	
303	25	26.01.09.0917	Nữ	12/11/1994	Tỉnh Đắk Lắk	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
304	26	26.01.09.0918	Nữ	04/04/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
305	27	26.01.09.0920	Nữ	06/03/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
306	28	26.01.09.0922	Nam	24/09/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
307	29	26.01.09.0924	Nữ	01/08/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
308	30	26.01.09.0925	Nữ	13/06/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
309	31	26.01.09.0928	Nam	21/03/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
310	32	26.01.09.0929	Nam	19/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
311	33	26.01.09.0930	Nữ	23/12/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
312	34	26.01.09.0933	Nữ	25/05/1998	Tỉnh Bình Định	
313	35	26.01.09.0937	Nam	23/01/1987	Tỉnh Đồng Nai	
314	36	26.01.09.0939	Nam	11/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
315	37	26.01.09.0942	Nữ	27/06/1996	tỉnh Sóc Trăng	
316	38	26.01.09.0943	Nữ	18/10/2000	Trà Vinh	
317	39	26.01.09.0944	Nữ	14/11/1991	Ninh Thuận	
318	40	26.01.09.0945	Nữ	07/01/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
319	41	26.01.09.0946	Nữ	24/05/1997	Tỉnh An Giang	
320	42	26.01.09.0947	Nam	12/10/1994	Tỉnh Bến Tre	
321	43	26.01.09.0949	Nữ	30/09/1997	Tỉnh Gia Lai	
322	44	26.01.09.0951	Nữ	07/07/1997	Tỉnh Đồng Nai	
323	45	26.01.09.0952	Nữ	18/11/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	

7/11

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
324	46	26.01.09.0953	Nữ	06/12/1999	Tỉnh Quảng Trị	
325	47	26.01.09.0956	Nam	06/05/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
326	48	26.01.09.0958	Nữ	12/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ (13)				
327	1	26.01.13.1221	Nam	04/11/1999	Kon Tum	
328	2	26.01.13.1236	Nam	28/10/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
329	3	26.01.13.1240	Nữ	12/09/1998	Tỉnh Đồng Tháp	
330	4	26.01.13.1244	Nam	27/07/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
331	5	26.01.13.1245	Nữ	09/01/1997	Tỉnh Gia Lai	
332	6	26.01.13.1252	Nữ	15/07/1994	Tỉnh Khánh Hòa	
333	7	26.01.13.1253	Nữ	09/01/1998	Tỉnh Gia Lai	
334	8	26.01.13.1265	Nam	29/03/1996	Hà Nội	
335	9	26.01.13.1266	Nam	01/07/1995	Bình Định	
336	10	26.01.13.1269	Nam	10/01/2000	Long An	
337	11	26.01.13.1270	Nữ	04/06/1997	Long An	
338	12	26.01.13.1274	Nữ	24/11/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
339	13	26.01.13.1282	Nữ	07/01/1997	Tỉnh Đồng Nai	
		CHUYÊN NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT (11)				
340	1	26.01.32.1283	Nữ	27/10/1989	Tỉnh Đồng Tháp	
341	2	26.01.32.1284	Nam	20/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
342	3	26.01.32.1288	Nam	29/09/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
343	4	26.01.32.1289	Nữ	11/11/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
344	5	26.01.32.1291	Nữ	21/02/1999	Tỉnh Quảng Trị	
345	6	26.01.32.1292	Nam	16/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
346	7	26.01.32.1293	Nữ	20/09/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
347	8	26.01.32.1294	Nam	23/03/1999	Tỉnh Đồng Nai	
348	9	26.01.32.1296	Nam	27/04/1996	Đắk Nông	
349	10	26.01.32.1297	Nữ	20/03/1995	Bình Định	
350	11	26.01.32.1298	Nữ	10/12/1999	Tỉnh Lâm Đồng	
		CHUYÊN NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA (43)				
351	1	26.01.15.1303	Nữ	02/02/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
352	2	26.01.15.1310	Nữ	07/04/2000	Kiên Giang	
353	3	26.01.15.1311	Nữ	12/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
354	4	26.01.15.1323	Nam	18/05/1997	Tỉnh An Giang	
355	5	26.01.15.1326	Nữ	15/05/1999	Tiền Giang	
356	6	26.01.15.1330	Nam	20/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
356	7	26.01.15.1338	Nữ	10/01/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
357	8	26.01.15.1369	Nữ	28/11/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
358	9	26.01.15.1372	Nữ	13/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
359	10	26.01.15.1384	Nam	20/04/1990	Long An	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
360	11	26.01.15.1388	Nữ	31/03/2000	Tỉnh Cà Mau	
361	12	26.01.15.1391	Nam	25/06/2000	Tỉnh Tây Ninh	
362	13	26.01.15.1392	Nam	23/02/1997	Tỉnh Nghệ An	
363	14	26.01.15.1393	Nữ	03/12/1999	Long An	
364	15	26.01.15.1398	Nữ	22/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
365	16	26.01.15.1399	Nữ	24/09/2000	Tỉnh Lâm Đồng	
366	17	26.01.15.1401	Nữ	23/12/1999	Bình Định	
367	18	26.01.15.1402	Nữ	29/08/1995	Bà Rịa - Vũng Tàu	
368	19	26.01.15.1416	Nữ	04/01/2000	Long An	
369	20	26.01.15.1417	Nữ	11/11/1995	Bình Định	
370	21	26.01.15.1423	Nữ	01/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
371	22	26.01.15.1426	Nữ	01/04/1999	Tỉnh Gia Lai	
372	23	26.01.15.1431	Nữ	07/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	
373	24	26.01.15.1435	Nam	24/03/2000	Bình Định	
374	25	26.01.15.1436	Nam	09/03/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
375	26	26.01.15.1438	Nữ	02/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
376	27	26.01.15.1439	Nam	26/08/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
377	28	26.01.15.1447	Nam	16/11/1993	Sông Bé	
378	29	26.01.15.1459	Nữ	25/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
379	30	26.01.15.1466	Nam	11/10/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
380	31	26.01.15.1473	Nữ	31/07/1997	Bình Phước	
381	32	26.01.15.1474	Nữ	04/03/1999	Kiên Giang	
382	33	26.01.15.1477	Nam	29/09/1994	Thành phố Cần Thơ	
383	34	26.01.15.1478	Nữ	04/09/1999	Bình Định	
384	35	26.01.15.1483	Nữ	02/10/1999	Phú Yên	
385	36	26.01.15.1492	Nam	10/10/1996	Quảng Bình	
386	37	26.01.15.1493	Nữ	13/12/1997	Quảng Nam	
387	38	26.01.15.1498	Nữ	16/08/1997	Long An	
388	39	26.01.15.1501	Nữ	28/02/1998	Trà Vinh	
389	40	26.01.15.1502	Nữ	04/02/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	
390	41	26.01.15.1504	Nữ	30/11/1999	Bình Định	
391	42	26.01.15.1512	Nữ	24/02/1999	Tỉnh Đồng Nai	
392	43	26.01.15.1513	Nữ	25/05/1999	Tỉnh Vĩnh Long	
		CHUYÊN NGÀNH: TAI MŨI HỌNG (16)				
394	1	26.01.16.1517	Nam	17/06/2000	Bình Phước	
395	2	26.01.16.1519	Nam	08/12/1999	Tiền Giang	
396	3	26.01.16.1525	Nam	21/12/1999	Tỉnh Đồng Nai	
397	4	26.01.16.1526	Nam	23/08/2000	Bạc Liêu	
398	5	26.01.16.1529	Nữ	20/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
399	6	26.01.16.1534	Nam	14/07/1998	Tỉnh Đồng Nai	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
400	7	26.01.16.1535	Nữ	24/02/1998	Nam Định	
401	8	26.01.16.1536	Nữ	25/02/1996	Tỉnh Gia Lai	
402	9	26.01.16.1539	Nam	25/02/1992	Sông Bé	
403	10	26.01.16.1541	Nữ	10/04/1998	Tỉnh Đồng Nai	
404	11	26.01.16.1542	Nam	14/03/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
405	12	26.01.16.1552	Nam	08/12/1993	Tỉnh Khánh Hòa	
406	13	26.01.16.1564	Nữ	05/04/2000	Tỉnh Gia Lai	
407	14	26.01.16.1574	Nữ	29/06/2000	Bình Định	
408	15	26.01.16.1576	Nữ	21/01/1996	Tỉnh Gia Lai	
409	16	26.01.16.1581	Nữ	30/06/1994	Sông Bé	
		CHUYÊN NGÀNH: TÂM THẦN (09)				
410	1	26.01.18.1605	Nữ	01/08/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
411	2	26.01.18.1613	Nữ	12/01/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
412	3	26.01.18.1615	Nữ	27/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
413	4	26.01.18.1616	Nam	23/01/1996	Tỉnh Gia Lai	
414	5	26.01.18.1620	Nữ	03/02/1999	Tỉnh Trà Vinh	
415	6	26.01.18.1623	Nữ	11/01/1999	Tỉnh Tiền Giang	
416	7	26.01.18.1629	Nữ	10/10/1994	Tỉnh Sông Bé	
417	8	26.01.18.1631	Nam	19/11/1994	Tỉnh Đồng Tháp	
418	9	26.01.18.1636	Nam	19/05/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	

nh

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
		CHUYÊN NGÀNH: TỔ CHỨC QUẢN LÝ DU'ỢC (12)				
419	1	26.01.40.1673	Nữ	30/11/1995	Tỉnh Tây Ninh	
420	2	26.01.40.1675	Nam	16/06/1996	Tỉnh Đồng Nai	
421	3	26.01.40.1676	Nữ	05/11/2000	Tỉnh Khánh Hòa	
422	4	26.01.40.1677	Nữ	29/10/1986	Tỉnh Tây Ninh	
423	5	26.01.40.1678	Nữ	06/06/1985	Tỉnh Ninh Bình	
424	6	26.01.40.1679	Nữ	10/06/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
425	7	26.01.40.1680	Nữ	19/11/1987	Long An	
426	8	26.01.40.1682	Nữ	13/09/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
427	9	26.01.40.1684	Nam	16/01/1993	Tỉnh Đồng Nai	
428	10	26.01.40.1685	Nữ	19/01/1995	Tỉnh Quảng Ngãi	
429	11	26.01.40.1686	Nữ	05/05/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	
430	12	26.01.40.1688	Nữ	30/07/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: THẦN KINH (23)				
431	1	26.01.17.1637	Nữ	14/12/1996	Tỉnh Kiên Giang	
432	2	26.01.17.1638	Nữ	04/11/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
433	3	26.01.17.1639	Nữ	21/02/1998	Tỉnh Lâm Đồng	
434	4	26.01.17.1640	Nam	15/04/1997	Tỉnh Bến Tre	
435	5	26.01.17.1641	Nam	30/06/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
436	6	26.01.17.1644	Nữ	10/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
437	7	26.01.17.1646	Nam	06/12/1999	Tỉnh An Giang	
438	8	26.01.17.1647	Nam	11/04/1984	Tỉnh Khánh Hòa	
439	9	26.01.17.1649	Nữ	29/04/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
440	10	26.01.17.1650	Nam	14/10/1997	Tỉnh Long An	
441	11	26.01.17.1652	Nam	08/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
442	12	26.01.17.1653	Nam	20/07/1990	Tỉnh Lâm Đồng	
443	13	26.01.17.1657	Nữ	08/10/1999	Tỉnh Hưng Yên	
444	14	26.01.17.1658	Nam	10/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
445	15	26.01.17.1659	Nam	20/03/1983	Tỉnh Đồng Tháp	
446	16	26.01.17.1661	Nữ	03/05/1997	Tỉnh Lâm Đồng	
447	17	26.01.17.1662	Nam	19/05/1987	Tỉnh Nam Định	
448	18	26.01.17.1663	Nam	11/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
449	19	26.01.17.1665	Nữ	01/06/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
450	20	26.01.17.1666	Nam	23/04/1995	Tỉnh Đồng Nai	
451	21	26.01.17.1667	Nữ	10/11/1995	Tỉnh Lâm Đồng	
452	22	26.01.17.1669	Nữ	26/01/1999	Tỉnh Bình Dương	
453	23	26.01.17.1671	Nữ	05/03/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: TRUYỀN NHIỆM (07)				
454	1	26.01.19.1695	Nam	22/09/1998	Tỉnh Long An	
455	2	26.01.19.1705	Nữ	20/11/1995	Tỉnh Sông Bé	



STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
456	3	26.01.19.1706	Nam	02/01/2000	Tỉnh Tiền Giang	
457	4	26.01.19.1708	Nữ	24/10/1993	Thái Bình	
458	5	26.01.19.1710	Nữ	19/11/1996	Tỉnh Lâm Đồng	
459	6	26.01.19.1715	Nữ	18/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
460	7	26.01.19.1718	Nữ	13/07/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
		CHUYÊN NGÀNH: UNG BƯỚU (08)				
461	1	26.01.20.1722	Nữ	20/08/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
462	2	26.01.20.1725	Nữ	10/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
463	3	26.01.20.1729	Nam	14/04/1997	Tỉnh Gia Lai	
464	4	26.01.20.1731	Nam	13/12/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
465	5	26.01.20.1732	Nam	25/01/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
466	6	26.01.20.1735	Nam	10/11/1999	Tỉnh Bình Định	
467	7	26.01.20.1737	Nam	17/01/2000	Tỉnh Tiền Giang	
468	8	26.01.20.1739	Nữ	03/07/1999	Tỉnh Quảng Nam	
		CHUYÊN NGÀNH: XÉT NGHIỆM Y HỌC (08)				
469	1	26.01.21.1740	Nữ	03/02/1995	Tỉnh Sông Bé	
470	2	26.01.21.1741	Nữ	11/10/1987	Tỉnh Bình Thuận	
471	3	26.01.21.1743	Nữ	10/09/1993	Tỉnh Long An	
472	4	26.01.21.1744	Nữ	14/11/1991	Tỉnh Thuận Hải	
473	5	26.01.21.1745	Nữ	11/07/1987	Tỉnh Tây Ninh	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
474	6	26.01.21.1746	Nữ	04/03/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
475	7	26.01.21.1747	Nam	17/07/1993	Tỉnh Bến Tre	
476	8	26.01.21.1748	Nam	21/09/1996	Tỉnh Tây Ninh	
477	9	26.01.21.1749	Nữ	04/02/1992	Tỉnh Tây Ninh	
478	10	26.01.21.1750	Nữ	02/01/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
CHUYÊN NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH (22)						
479	1	26.01.22.1752	Nữ	07/05/1990	Tiền Giang	
480	2	26.01.22.1754	Nam	20/03/1994	Hà Bắc	
481	3	26.01.22.1756	Nam	19/10/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
482	4	26.01.22.1758	Nữ	25/10/1995	Ninh Thuận	
483	5	26.01.22.1760	Nữ	09/04/1993	Tỉnh Khánh Hòa	
484	6	26.01.22.1763	Nam	20/07/1989	Đồng Nai	
485	7	26.01.22.1767	Nữ	16/01/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
486	8	26.01.22.1769	Nữ	05/01/1996	Bình Định	
487	9	26.01.22.1770	Nữ	14/08/1996	Bình Thuận	
488	10	26.01.22.1771	Nam	02/02/1999	Long An	
489	11	26.01.22.1772	Nữ	06/12/1995	Ninh Thuận	
490	12	26.01.22.1775	Nam	31/03/1992	Tỉnh Gia Lai	
491	13	26.01.22.1776	Nữ	21/03/1991	Tỉnh Đồng Nai	
492	14	26.01.22.1779	Nữ	19/11/1995	Thái Bình	

STT	STT CN	SBD	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	GHI CHÚ
493	15	26.01.22.1781	Nữ	24/10/1995	Tỉnh Hà Tĩnh	
494	16	26.01.22.1782	Nữ	22/12/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	
495	17	26.01.22.1783	Nam	06/12/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
496	18	26.01.22.1784	Nam	19/06/1997	Phú Yên	
497	19	26.01.22.1785	Nữ	17/12/1993	Bạc Liêu	
498	20	26.01.22.1786	Nam	10/05/1995	Tỉnh Đồng Tháp	
499	21	26.01.22.1787	Nữ	20/06/1994	Ninh Thuận	
500	22	26.01.22.1788	Nữ	18/03/1996	Khánh Hoà	

Danh sách có 500 học viên nộp hồ sơ nhập học.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS.BS. Ngô Minh Vinh

